

Số: /QĐ-UBND Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn” tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn” tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ của Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 03/8/2022;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn” tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 565/CV-BĐSM ngày 29/9/2022 của Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 757/TTr-TNMT ngày 25/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Lâm Thao; Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Trọng Tấn;
- Các PCVP;
- UBND thị trấn Hùng Sơn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-16b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “KHU NHÀ Ở ĐÔ THỊ HÙNG SƠN” TẠI THỊ TRẤN HÙNG SƠN, HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN MỸ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu nhà ở đô thị Hùng Sơn.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
- Tên chủ dự án: Công ty cổ phần Bất động sản Mỹ.
- + Người đại diện: Bà Vũ Thùy Duyên.
- + Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1.2. Phạm vi, quy mô dự án:

- Phạm vi: đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình kiến trúc theo quy hoạch được phê duyệt trên diện tích 163.750m².
- Quy mô dân số: 1.872 người.
- Loại hình dự án: dự án đầu tư mới.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

a) Các hạng mục công trình:

- Khu nhà ở liền kề gồm 457 lô, với tổng diện tích 46.176,9m².
- Nhà văn hoá có diện tích 1.335m².
- Trường mầm non diện tích 3.031,1m².
- Khu cây xanh, cảnh quan, mặt nước... diện tích 24.488,7m².
- Đất hạ tầng kỹ thuật, giao thông, ta luy diện tích 69.988m².
- Đất ở hiện trạng diện tích 18.730,3m².

b) Các hoạt động của dự án:

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng.
- Vét, xử lý hữu cơ, thi công mương thoát nước thải cho toàn bộ dự án.
- Tạo mạng lưới nền giao thông và san lấp mặt bằng.
- Thi công hệ thống hạ tầng cấp thoát nước, điện, thông tin...
- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng và hệ thống giao thông (mặt đường, hè đường, trồng cây...), hệ thống điện, đèn chiếu sáng, hạng mục cấp thoát nước, thi công khu nhà ở, nhà văn hóa, trường mầm non...
- Hoàn thiện, bàn giao và đưa công trình vào sử dụng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên 9,98ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Các hoạt động của dự án:

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng.
- Hoạt động triển khai thi công xây dựng dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

b) Các tác động môi trường:

- Ảnh hưởng đến đời sống của người dân có đất bị thu hồi.
- Phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước mặt, nước ngầm.
- Phát sinh nước thải làm tăng hàm lượng các chất ô nhiễm trong nguồn tiếp nhận.

2.2. Giai đoạn vận hành:

a) Các hoạt động của dự án:

- Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông.
- Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu nhà ở, nhà văn hoá, trường mầm non.

b) Các tác động môi trường: phát sinh nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng tới môi trường và người dân sống dọc theo tuyến đường dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

a) Nước thải:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của 120 công nhân khoảng 5,4m³/ngày đêm. Thành phần: TSS, BOD₅, COD, amoni, tổng N, tổng P, coliform.
 - + Nước thải từ hoạt động rửa các thiết bị dụng cụ xây dựng khoảng 4 m³/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...

- Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà ở liền kề, nhà văn hóa, trường mầm non phát sinh trung bình 246,4m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt có các thành

phần ô nhiễm như: TSS, BOD₅, tổng nitơ, COD, tổng phốt pho, amoni, tổng coliform.

b) Bụi, khí thải:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: bụi, khí thải từ hoạt động đào đất, xây dựng các công trình và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, thành phần: bụi TSP, CO, SO₂, NO₂.

- Trong giai đoạn vận hành: khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có các thành phần như: bụi, CO, SO₂, NO_x.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Chất thải rắn;

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường với lượng phát sinh khoảng 60kg/ngày. Thành phần gồm: vỏ bao bì, thức ăn thừa, vỏ chai lọ, túi nilon, giấy, nhựa...

+ Chất thải rắn xây dựng: phát sinh từ quá trình thi công xây dựng dự án với lượng phát sinh trung bình 218 tấn bao gồm: đá, bê tông, gạch vỡ thả; đầu mẫu sắt thép thừa, vỏ bao xi măng... Ngoài ra, phát sinh khoảng 76.579,58m³ bùn được nạo vét từ ao hồ, hiện trạng.

- Trong giai đoạn vận hành: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khối lượng trung bình 2,06 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, rau, quả...), các loại bao gói, hộp đựng thức ăn, đồ uống...

b) Chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại các lán trại, từ hoạt động thi công, xây dựng, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công với lượng phát sinh trung bình 222,24 kg/tháng bao gồm: bóng đèn huỳnh quang hỏng; ắc quy hỏng; vỏ hộp sơn, vỏ hộp đựng dầu mỡ thải; giẻ lau, găng tay dính dầu, dính sơn...

- Trong giai đoạn vận hành: chất thải nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 27 kg/tháng, thành phần gồm bóng đèn thải, linh kiện điện tử hỏng, dầu thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh được thu gom và xử lý tại 02 nhà vệ sinh đi động lắp đặt tại các lán trại trên công trường.

+ Nước thải thi công, xây dựng: đầu tư 02 bể lắng nước thải (kích thước từng bể là 3 x 1,5 x 2m và 2 x 1,5 x 1m) tại vị trí hố rửa xe.

- Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt tại từng căn hộ trong khu nhà ở liền kề được thu gom xử lý qua bể tự hoại có kích thước 2 x 1,5 x 1m (tổng số 457 bể tự hoại); nước thải từ khu nhà văn hoá được xử lý qua 01 bể tự hoại có kích thước 2,5 x 2 x 1 m; nước thải từ trường mầm non được xử lý qua 01 bể tự hoại có kích thước 5 x 3 x 1,5m. Sau đó, tất cả nước thải sinh hoạt được thu gom và đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 250m³/ngày đêm. Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày đêm có quy trình công nghệ như sau: nước thải → song chắn rác → bể thu gom → bể tách cát, dầu mỡ → bể điều hoà → bể thiếu khí → bể hiếu khí (MBBR) → bể lắng → bể khử trùng → Bể chứa bùn. Nguồn tiếp nhận nước thải là kênh tiêu Vĩnh Mộ.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: thực hiện phun nước tưới ẩm định kỳ 2 lần/ngày, vị trí tưới trên công trường tại khu vực phá dỡ. Khi vận chuyển phế thải ra ngoài thị trấn, ô tô vận chuyển phải có thùng kín và có bạt che theo quy định, cam kết sẽ không làm vương vãi vật liệu trong quá trình vận chuyển. Công tác vận chuyển tiến hành vào thời gian quy định của chủ đầu tư. Không vận chuyển vào giờ cao điểm từ 6h - 8h và 16h30 - 19h.

4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Thực hiện thu gom, lưu giữ rác thải trong các thùng chứa, hàng ngày thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn từ quá trình dọn dẹp mặt bằng, xây dựng các công trình sẽ được ký hợp đồng xử lý với các đơn vị có đủ chức năng.

- Giai đoạn vận hành: thực hiện thu gom, lưu giữ rác thải trong các thùng chứa, hàng ngày thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được thu gom lưu giữ trong kho có diện tích 20m², định kỳ được công ty thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a) Các biện pháp giảm thiểu tác động:

- Không sử dụng máy móc có mức độ ồn lớn hơn 85 dBA.

- Không tiến hành các hoạt động thi công phát sinh mức độ ồn lớn hơn 65 dBA trong thời gian nghỉ, cụ thể: thời gian nghỉ trưa từ 12h00 đến 13h30, thời gian nghỉ đêm từ 18h30 đến 7h00 hôm sau.

- Sử dụng các phương tiện không vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết, lựa chọn máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp khi thi công gần khu dân cư; thực hiện bảo dưỡng thiết bị máy móc thi công thường xuyên trong thời gian thi công.

b) Các quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của dự án, thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, tổ chức quan trắc giám sát chất thải theo quy định.

5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường:

a) Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí:

+ Vị trí: 03 điểm tại khu vực công trường thi công.

+ Thông số: nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂,

- Tần suất: 6 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm tại công thoát từ công trường ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Thông số: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, coliform.

+ Tần suất: 3 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B).

- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động xây dựng.

b) Giám sát chất lượng môi trường dự kiến khi vận hành:

- Giám sát chất lượng nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm trước và 01 điểm sau tại trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số: lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO₄³⁻, Coliform.

+ Tần suất: 3 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A).

- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát khối lượng, chủng loại CTR và CTNH. Định kỳ tổng hợp kết quả và báo cáo cho cơ quan quản lý môi trường địa phương./.